TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-05-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng.

Ông Bùi Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Châu Thúy H**, sinh ngày 09/11/1991, CCCD số: **********; Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà E, đường số B, khu dân cư E, phường P, thành phố Cần Thơ, là đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 16/12/2025 (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1990, CCCD số: **********; Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Châu Thúy H trình bày và yêu cầu như sau: Bà với ông Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 15 tháng 02 năm 2012. Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Lê Khánh H1, sinh ngày 15/4/2011 và Lê Khánh V, sinh ngày 28/4/2018. Quá trình chung sống có tạo lập được 02 xe honda, cụ thể: Xe biển

số 83P3-958.00, mua năm 2019, giá là 34.000.000 đồng đang được bà quản lý, sử dụng và chiếc xe còn lại mua năm 2011, giá khoảng 30.000.000 đồng (tính luôn phí, lãi trả góp) đang được ông Đ quản lý, sử dụng nên bà không nhớ thông tin để cung cấp cho Tòa án. Do cuộc sống không hạnh phúc, ông Đ không lo làm và mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều từ thu nhập từ tiền làm thuê của bà, thậm chí ông Đ còn có hành hung buộc bà giao tiền.

+ Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Đ.

+ Về con chung: Giao ông Lê Văn Đ được quyền nuôi 02 con chung là Lê Khánh H1 và Lê Khánh V, bà đồng ý cấp dưỡng cho các con mỗi người là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Bà yêu cầu chia tài sản chung là giao cho bà được nhận xe 83P3-958.00 và ông Đ được nhận chiếc xe mua năm 2011 hiện do ông Đ đang quản lý, chứ không đồng ý chia đôi tài sản.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn Đ, quá trình giải quyết có trình bày ý kiến: Ông đồng ý với trình bày của bà H về quá trình tiến đến hôn nhân.

+ Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà H.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Khánh H1 sinh ngày 15/4/2011 và Lê Khánh V, sinh ngày 28/4/2018. Ông đang trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Có 02 chiếc xe máy biển số là 83T1-049.74 và 83P3-958.00, hiện tại xe biển số 83P3-958.00 đang do bà H quản lý, sử dụng và xe máy 83T1-049.74 do ông quản lý, sử dụng. Ông đồng ý giao xe máy biển số 83P3-958.00 cho bà H quản lý, sử dụng và ông tiếp tục sử dụng xe máy biển số là 83T1-049.74. Ông không yêu cầu định gia tài sản chung, đồng ý với giá bà H đưa ra và không yêu cầu trả giá trị tiền chênh lệnh.

+ Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập và được thông báo để thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về phân chia tài sản chung giữa bà H với ông Đ là giao cho bà H được nhận xe biển số 83P3-958.00 và ông Đ được nhận xe 83T1-049.74. Đối với con chung giao cho ông Đ nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bà H cho 02 người con chung. Các vấn đề về nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn do không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét. Đồng thời buộc bà H,

ông Đ phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn và người đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, bà Châu Thúy H và ông Lê Văn Đ đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà Châu Thúy H cho rằng ông Đ có hành vi bạo lực gia đình và hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau, đồng thời bị đơn ông Đ đồng ý ly hôn là thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn và bên còn lại cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận và công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa bà Châu Thúy H và ông Lê Văn Đ có 02 con chung tên Lê Khánh H1 sinh ngày 15/4/2011 và Lê Khánh V, sinh ngày 28/4/2018. Hiện các cháu đang sống với ông Đ, bà H đề nghị giao con cho ông Đ nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi, ông Đ đồng ý nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị của bà H giao 02 người con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của bà H cấp dưỡng cho con chung mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung, bà Châu Thúy H cho rằng vợ chồng có khối tài sản chung là 02 chiếc xe máy biển số là 83T1-049.74 có giá 30.000.000 đồng và 83P3-958.00 có giá 34.000.000 đồng, bà H yêu cầu chia tài sản chung theo hướng bà được nhận xe 83P3-958.00 và chia cho ông Đ được nhận xe 83T1-049.74. Đối với ông Đ đồng ý phân chia tài sản chung theo đề nghị của bà H và không yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch, đây là sự tự nguyên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định phải chịu án phí thuận tình ly hôn và án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thúy Huỳnh .

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Châu Thúy H và ông Lê Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho ông Lê Văn Đ được nuôi dưỡng 02 người con chung tên Lê Khánh H1 sinh, ngày 15/4/2011 và Lê Khánh V, sinh ngày 28/4/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Châu Thúy H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con: Buộc bà Châu Thúy H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là Lê Khánh H1 và Lê Khánh V đến khi cháu H1, cháu V đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/người, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/5/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung:

+ Bà Châu Thúy H được nhận tài sản đang quản lý, sử dụng là xe Honda biển số 83P3-958.00, màu đen trắng, số máy JA38E0445369, số khung RLHJA3829KY004030.

+ Ông Lê Văn Đ được nhận tài sản đang quản lý, sử dụng là xe Honda biển số 83T1-049.74, loại WAVE RSX, màu đỏ đen, số máy JA52E0217243, số khung RLHJA3856MY100307.

2. Về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Châu Thúy H phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 1.700.000 đồng. Khi nộp án phí, bà Châu Thúy H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011266 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông Lê Văn Đ phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 1.500.000 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai